TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ C**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Pc**
Số: 46/2023/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 05 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ C

Căn cứ Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 37/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số 128/8 đường Đ, khu vực B, phường L, quận B, thành phố C.

2. Ông **Nguyễn Văn G**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số 128/8 đường Đ, khu vực B, phường L, quận B, thành phố C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại biên bản hòa giải, biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và đoàn tụ không thành ngày 22/8/2023 các đương sự đã thỏa thuận như sau:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn G tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường A, thành phố C, tỉnh C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 01 ngày 06/01/1995. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp, tình cảm vợ chồng không còn. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông bà yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] *Về con chung*: có 02 con chung tên Nguyễn Văn P (nam), sinh ngày 06/7/1998 và Nguyễn Văn N (nam) sinh ngày 19/10/2008, ông bà thống nhất sau khi ly hôn bà Thu sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, ông G không cấp dưỡng nuôi con, đối với con chung Nguyễn Văn P đã trưởng thành nên không giải quyết.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về lệ phí Tòa án*: Người yêu cầu phải nộp lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn G thuận tình ly hôn.

- Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Văn P (nam), sinh ngày 06/7/1998 và Nguyễn Văn N (nam) sinh ngày 19/10/2008, ông bà thống nhất sau khi ly hôn bà Thu sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, ông G không cấp dưỡng nuôi con, đối với con chung Nguyễn Văn P đã trưởng thành nên không giải quyết.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho ông G không ai được quyền ngăn cản ông G thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, cha mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn G phải chịu lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, chuyển tiền đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí theo biên lai thu số 0002368 ngày 04/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B thành lệ phí, các đương sự đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q. B;
- Chi cục THADS Q. B;
- TAND TP. C;
- UBND p. A, Q.NK (nơi ĐKKH) GCNKH số 02, quyển 01, ngày 06/01/1995;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phùng Kim Toan